

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 9- 2024

“V/v: *Không công nhận quan hệ
vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Đơ Niê, ông Nguyễn Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Linh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2024 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn SC, xã CS, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bà T vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Văn M, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn SC, xã CS, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Triệu Thị T trình bày:*

Bà Triệu Thị T và ông Triệu Văn M sống chung như vợ chồng từ năm 1995, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông M thường xuyên uống rượu, không chịu đi làm dẫn đến cãi vã, xô sát, ông M có đánh đập bà T. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng ông M vẫn không thay đổi. Bà T và ông M đã không còn chung sống từ đầu năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích

hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung, bà T và ông M có 03 con chung đều đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Triệu Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không cung cấp văn bản và tài liệu chứng cứ cho Tòa án.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX không công nhận bà Triệu Thị T và ông Triệu Văn M là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn ông Triệu Văn M hiện đang cư trú tại Thôn SC, xã CS, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắc Lắc, nên Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về thủ tục vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX căn áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết

luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Bị đơn không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua lời trình bày của nguyên đơn, kết quả xác minh tại địa phương, thì nguyên đơn và bị đơn sống chung như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Căn cứ quy định trên, HĐXX cần xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[2.2] Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung đều đã đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập xử lý.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Triệu Thị T và ông Triệu Văn M.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự cho nguyên đơn bà Triệu Thị T.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M'Đrắk;
- Đương sự;
- UBND xã Cư San, huyện M'Đrắk;
- Lưu HS, VP.

Vũ Thị Hải